

## Phần 2: YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

### Chương V: PHẠM VI CUNG CẤP

#### Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp thuốc

1.1. Phạm vi và tiến độ cung cấp thuốc quy định tại Mẫu số 00, Chương IV - biểu mẫu dự thầu Phạm vi cung cấp thuốc.

Mẫu số 00

#### BẢNG PHẠM VI CUNG CẤP, TIẾN ĐỘ CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỦA THUỐC

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp
1	PH.01	Acid clavulanic(dưới dạng Potassium clavulanat kết hợp với Avicel) 125mg; Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat compacted) 500mg	125mg; 500mg	Uống	Viên	Viên	5.000	1.196.312.650	3	365 ngày
2	PH.02	Amoxicilin (dưới dạng amoxicilin trihydrat)	500mg	Uống	Viên nang	Viên	120.000		4	365 ngày
3	PH.03	Ibuprofen 200mg; Paracetamol (Acetaminophen) 325mg	200mg; 325mg	Uống	Viên	Viên	3.000		4	365 ngày
4	PH.04	Allopurinol	300mg	Uống	Viên	Viên	1.200		2	365 ngày
5	PH.05	Alphachymotrypsin	21 Microkatal	Uống	Viên	Viên	30.000		4	365 ngày
6	PH.06	Aluminium phosphate gel 20%	12,380g	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ	Gói	1.000		4	365 ngày

					dịch uống					
7	PH.07	Dextromethorphan HBr; Chlorpheniramin maleat; Sodium citrat; Glyceryl Guaiacolat; Ammonium Chlorid	10mg; 1mg; 133mg; 50mg; 50mg	Uống	Viên	Viên	3.000		4	365 ngày
8	PH.08	Acetylcysteine	200mg	Uống	Viên nang	Viên	90.000		4	365 ngày
9	PH.09	Amlodipin (dưới dạng amlodipin besilat)	5mg	Uống	Viên nang	Viên	40.000		3	365 ngày
10	PH.10	Aspirin (acetylsalicylic acid) 81mg	81mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	5.000		4	365 ngày
11	PH.11	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calcium 21,714mg) 20mg	20mg	Uống	Viên	Viên	2.000		4	365 ngày
12	PH.12	Acyclovir 800mg	800mg	Uống	Viên	Viên	3.000		2	365 ngày
13	PH.13	Aciclovir 250mg	250mg	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	100		4	365 ngày
14	PH.14	Acid folic	5mg	Uống	Viên	Viên	600		4	365 ngày
15	PH.15	Atropin sulfat	0,25mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	30		4	365 ngày
16	PH.16	Adrenalin	1mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	30		4	365 ngày
17	PH.17	Mỗi chai 20ml chứa: Acid Benzoic 1g ; Acid Salicylic 1g; Iod 0,3g	1g; 1g; 0,3g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai	300		4	365 ngày

18	PH.18	Cao khô Actisô EP 85mg; Cao khô Rau đắng đất 8:1 64mg; Cao khô Bìm bìm 6,4mg	85 mg; 64 mg; 6,4 mg	Uống	Viên	Viên	5.000	4	365 ngày
19	PH.19	Hyoscin - N - butylbromid	20mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	40	4	365 ngày
20	PH.20	Bambuterol hydroclorid	10mg	Uống	Viên	Viên	14.000	2	365 ngày
21	PH.21	Cefalexin (dưới dạng Cefalexin monohydrat compacted)	500mg	Uống	Viên nang	Viên	120.000	4	365 ngày
22	PH.22	Cefixim (dưới dạng cefixim trihydrat) 200mg	200mg	Uống	Viên	Viên	2.000	4	365 ngày
23	PH.23	Sulfamethoxazol 800mg; Trimethoprim 160mg	800mg; 160mg	Uống	Viên	Viên	6.000	4	365 ngày
24	PH.24	Cinnarizine	25mg	Uống	Viên	Viên	6.000	4	365 ngày
25	PH.25	Chlorpheniramine maleate 4mg	4mg	Uống	Viên	Viên	320.000	4	365 ngày
26	PH.26	Cetirizin hydroclorid	10mg	Uống	Viên	Viên	10.000	4	365 ngày
27	PH.27	Mỗi viên nén (400 mg) chứa: Bột chiết xuất vỏ quả măng cụt (Garcinia mangostana) (2:1) 150 mg, bột than hoạt tính (Activated carbon - từ gạo dứa) (1:1) 150 mg	150mg, 150mg	Uống	Viên	Viên	5.000	KPN	365 ngày
28	PH.28	Calci (dưới dạng Calci gluconolactat 2940mg và Calci carbonat 300mg)	500mg	Uống	Viên sủi	Viên	1.500	4	365 ngày
29	PH.29	Canxi carbonat (Tương đương canxi 160mg); Vitamin D3 (Cholecalciferol)	400mg; 200IU	Uống	Viên nang	Viên	9.000	KPN	365 ngày
30	PH.30	Captopril	25mg	Uống	Viên	Viên	8.000	4	365 ngày

31	PH.31	Bisoprolol fumarate 2,5mg	2,5mg	Uống	Viên	Viên	2.000		1	365 ngày
32	PH.32	Nikethamid 125mg; Glucose monohydrat 1500mg	125mg, 1500mg	Ngậm	Viên	Viên	800		4	365 ngày
33	PH.33	Natri camphosulfonat 2,5g/25ml; Lọc tiên 5g/25ml	2,5g/25ml; 5g/25ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai	30		4	365 ngày
34	PH.34	Cao khô rễ Đinh lăng 6,25:1 (Extractum Radix Polysciacis siccus) 240mg; Cao khô lá Bạch quả (Extractum Folii Ginkgo siccus) (Hàm lượng Flavonoid toàn phần $\geq$ 24%) 100mg	240mg; 100mg	Uống	Viên nang	Viên	500		4	365 ngày
35	PH.35	Calci clorid dihydrat (dưới dạng calci clorid hexahydrat)	500mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	30		4	365 ngày
36	PH.36	Paracetamol 500mg, Phenylephrine HCl 10mg	500mg; 10mg	Uống	Viên	Viên	3.000		4	365 ngày
37	PH.37	Diclofenac natri	75mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	32.000		4	365 ngày
38	PH.38	Diclofenac natri	75mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	50		4	365 ngày
39	PH.39	Gliclazide 30 mg	30 mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	400		1	365 ngày
40	PH.40	Digoxin	0,25mg	Uống	Viên	Viên	250		4	365 ngày

41	PH.41	Mỗi 8 g chứa: Diethyl phtalat 5,2g	5,2g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Lọ	600		4	365 ngày
42	PH.42	Eucalyptol 70% ( tinh dầu bạch đàn); Cao lá thường xuân; tinh dầu long não ( tương đương với 2500mg long não); tinh dầu gừng ( tương đương với 500mg gừng); tinh dầu húng chanh ( tương đương với 1000mg húng chanh); tinh dầu bạc hà ( tương đương với 250mg Bạc hà)	120mg; 20mg; 5mg; 1mg; 0,5mg; 0,5mg	Uống	Viên nang	Viên	100.000		KPN	365 ngày
43	PH.43	Natri clorid 90mg/10ml	90mg/10ml	Nhỏ mắt, mũi	Thuốc nhỏ mắt, mũi	Lọ	2.000		4	365 ngày
44	PH.44	Mebendazole	500mg	Uống	Viên	Viên	40		2	365 ngày
45	PH.45	Furosemid 40mg	40mg	Uống	Viên	Viên	2.000		4	365 ngày
46	PH.46	Fluconazole 150mg	150mg	Uống	Viên nang	Viên	400		2	365 ngày
47	PH.47	Fluticason Propionat (siêu mịn) 0,05% (w/w)	0,05% (w/w)	Nhỏ mũi	Thuốc xịt mũi	Chai	20		1	365 ngày
48	PH.48	Metformin hydroclorid	850mg	Uống	Viên	Viên	3.000		3	365 ngày
49	PH.49	125mg cao hỗn hợp tương đương thảo mộc thô (Tỉ lệ 1/10); Bình vôi (Stephania sinica Diels); Đinh lăng ( Tieghemopanax Fruticosus Vig); Xuyên khung (Ligusticum wallichii Franch); Rau đắng biển (Bacopa	450mg; 300mg; 200mg; 100mg; 100mg; 100mg; 120mg; 30mg; 10mg; 5mg; 2,5mg; 2,5mg	Uống	Viên nang	Viên	3.000		KPN	365 ngày

		monnieri (L) Wettst); Thông đất (Lycopodium cernuum L); Việt quất (Vaccinium myrtillus); Cao bạch quả (Ginkgo biloba L); Magie oxyd (tương đương với 18mg Magie); Citicolin; Cafein; Vitamin B1 (Thiamin hydroclorid); Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid)							
50	PH.50	Griseofulvin 500mg	500mg	Uống	Viên	Viên	10.000	4	365 ngày
51	PH.51	Griseofulvin 500 mg	500 mg	Dùng Ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	200	4	365 ngày
52	PH.52	Mỗi 100 ml chứa: Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat) 5g	5g	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai (Chai 500ml)	50	4	365 ngày
53	PH.53	Paracetamol 500 mg	500 mg	Uống	Viên sủi	Viên	4.600	3	365 ngày
54	PH.54	Paracetamol	500mg	Uống	Viên	Viên	2.400	2	365 ngày
55	PH.55	Cao Nhân sâm đã định chuẩn Ginseng ext. (tương đương 0,9 mg Ginsenosid Rb1; Rg1 và Re) 40 mg; Cao Lô hội 5 mg; Retinol acetat 5000IU; Ergocalciferol 400IU; Tocopherol acetat 45 mg; Thiamin nitrat 2 mg; Riboflavin 2 mg; Pyridoxin hydroclorid 2 mg; Acid ascorbic 60 mg; Nicotinamid	40mg; 5mg; 5000IU; 400IU; 45mg; 2mg; 2mg; 2mg; 60mg; 20mg; 15,3mg; 6mcg; 54,76mg; 7,86mg; 66,34 mg; 5mg; 307,5 mg; 3 mg; 18 mg	Uống	Viên nang	Viên	1.000	4	365 ngày

		20 mg; Calci pantothenat 15,3 mg; Cyanocobalamin 6µg (mcg); Sắt fumarat (tương đương với 18 mg ion sắt II) 54,76 mg; Đồng sulfat (tương đương với 2 mg ion đồng II) 7,86 mg; Magnesi oxyd (tương đương với 40 mg ion Magnesi II) 66,34 mg; Kẽm oxyd (tương đương với 4 mg ion kẽm II) 5 mg; Calci hydrophosphat (tương đương với 71,5 mg ion calci II) 307,5 mg; Mangan sulfat (tương đương với 1 mg ion Mn II) 3 mg; Kali sulfat (tương đương với 8 mg ion kali) 18 mg							
56	PH.56	Phân đoạn flavonoid tinh khiết dạng vi hạt tương ứng: Diosmin 450mg; Hesperidin 50mg	450mg; 50mg	Uống	Viên	Viên	3.000	4	365 ngày
57	PH.57	Hydrocortison (dưới dạng Hydrocortison natri succinat) 100mg	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	30	4	365 ngày
58	PH.58	Irbesartan	150mg	Uống	Viên	Viên	560	3	365 ngày
59	PH.59	Isosorbid-5-mononitrat (dưới dạng isosorbid-5-mononitrat 80%)	60mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	300	3	365 ngày
60	PH.60	Aluminum Hydroxide 178mg; Magnesium Hydroxide 233mg; Simethicone 30mg	178mg; 233mg; 30mg	Nhai	Viên	Viên	3.000	4	365 ngày

61	PH.61	Kali clorid	500mg	Uống	Viên	Viên	1.000		4	365 ngày
62	PH.62	Cao Kim Tiên Thảo (Extractum siccum Desmodii styracifolii) (tương đương dược liệu Kim tiên thảo Herba Desmodii styracifolii 2,4g)	120mg	Uống	Viên	Viên	3.000		4	365 ngày
63	PH.63	Lidocain hydroclorid	40mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	400		4	365 ngày
64	PH.64	Losartan kali	50mg	Uống	Viên	Viên	300		4	365 ngày
65	PH.65	Loperamide hydrochloride	2mg	Uống	Viên nang	Viên	7.000		4	365 ngày
66	PH.66	Mỗi 500ml chứa: Calci clorid. 2H <sub>2</sub> O 0,135g; Kali clorid 0,2g; Natri clorid 3g; Natri lactat 1,6g	0,135g; 0,2g; 3g; 1,6g	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	50		4	365 ngày
67	PH.67	Metronidazol	250mg	Uống	Viên	Viên	30.000		4	365 ngày
68	PH.68	Meloxicam 7,5 mg	7,5 mg	Uống	Viên	Viên	300		1	365 ngày
69	PH.69	Methylprednisolon 16mg	16mg	Uống	Viên	Viên	500		1	365 ngày
70	PH.70	Aluminium hydroxide (gel khô) 300mg; Magnesium trisilicat khan 400mg	300mg; 400mg	Nhai	Viên	Viên	10.000		4	365 ngày
71	PH.71	Magnesi lactat dihydrat 475mg; Pyridoxin hydroclorid 5mg	475mg; 5mg	uống	Viên	Viên	10.000		4	365 ngày
72	PH.72	Râu Mèo (Orthosiphon) 250mg Xà sàng tử (Fructus Cnidii) 100mg	250mg; 100mg	Uống	Viên	Viên	5.000		KPN	365 ngày

73	PH.73	Acid tranexamic	500mg	uống	Viên	Viên	500	4	365 ngày
74	PH.74	Acid boric	800mg/8ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Lọ	200	4	365 ngày
75	PH.75	Prednison 5mg	5mg	Uống	Viên	Viên	3.000	4	365 ngày
76	PH.76	Drotaverin hydroclorid	40mg	Uống	Viên	Viên	3.000	4	365 ngày
77	PH.77	Camphor 655mg; Eucalyptol 170mg; Menthol 620mg; Tinh dầu bạc hà 42,5mg; Thymol 25,5mg	655mg; 170mg; 620mg; 42.5mg; 25.5mg	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Cái	50	4	365 ngày
78	PH.78	Omeprazol (dưới dạng Omeprazol pellet 8,5% ) 20 mg	20 mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	28.000	4	365 ngày
79	PH.79	Glucose khan 13,5g; Kali clorid 1,5g; Natri citrat dihydrat 2,9g; Natri clorid 2,6g	13,5g; 1,5g; 2,9g; 2,6g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	300	4	365 ngày
80	PH.80	Ofloxacin	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	200	4	365 ngày
81	PH.81	Caffein 65mg; Paracetamol 500mg	65mg; 500mg	Uống	Viên	Viên	2.000	2	365 ngày
82	PH.82	Paracetamol	500mg	Uống	Viên	Viên	330.000	4	365 ngày
83	PH.83	Piracetam	800mg	Uống	Viên	Viên	9.000	4	365 ngày
84	PH.84	Prednisolon	5mg	Uống	Viên nang	Viên	330.000	4	365 ngày
85	PH.85	Aluminium phosphate 20% gel 12,38g/gói 20g	20%	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ	Gói	400	1	365 ngày

					dịch uống				
86	PH.86	Lactobacillus acidophilus	10 <sup>8</sup> vi sinh sống	Uống	Bột/cốm/ hạt pha uống	Gói	2.000	KPN	365 ngày
87	PH.87	Vitamin B1, Vitamin D3, Vitamin B3, Vitamin E, Vitamin B5, Zinc, Vitamin B6, Vitamin B2, Folic Acid, Biotin, Selenium, Vitamin B12	1.4mg;2.5mcg;1 8mg;10mg;6mg; 2.5mg;2mg;1.6 mg;0.2mg;150m cg;15mcg;1mcg	Uống	Viên sủi	Viên	500	KPN	365 ngày
88	PH.88	Vitamin C .60mg;Vitamin PP 16mg;Vitamin E.6mg;Vitamin B5 5 mg;Vitamin B1 1,4mg;Vitamin B2 1,4mg;Vitamin B61,4mg;Acid folic 160mcg	60mg;16mg;6m g; 5 mg; 1,4mg; 1,4mg;1,4mg; 160mcg	Uống	Viên sủi	Viên	1.000	KPN	365 ngày
89	PH.89	Propranolol.HCl	40mg	Uống	Viên	Viên	300	4	365 ngày
90	PH.90	Metoclopramid hydroclorid	10mg	Uống	Viên	Viên	500	4	365 ngày
91	PH.91	Sorbitol	5g	Uống	Bột/cốm/ hạt pha uống	Gói	1.000	4	365 ngày
92	PH.92	2,4 – Dichlorobenzyl Alcohol 1,2mg; Amylmetacresol 0,6mg	1,2mg; 0,6mg	Ngậm	Viên	Viên	2.000	2	365 ngày
93	PH.93	Methyl salicylate 6,29 %; dl- Camphor 1,24 %; l-Menthol 5,71 %; Tocopherol acetate 2 %	100g cao chứa: Methyl salicylate 6,29g, dl- Camphor 1,24g, l- Menthol 5,71g, Tocopherol acetate 2g	Dùng ngoài	Miếng dán	Miếng	1.000	4	365 ngày

94	PH.94	I-Menthol 7% (w/w); Methyl salicylate 15% (w/w)	Methyl salicylate 15%; I- Menthol 7%	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	60		4	365 ngày
95	PH.95	Mỗi 10g chứa: Betamethason dipropionat 6,4mg; Clotrimazol 100mg; Gentamicin (dưới dạng Gentamicin sulfat) 10mg	10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	200		4	365 ngày
96	PH.96	N-acetyl-dl-leucin	500 mg	Uống	Viên	viên	1.800		4	365 ngày
97	PH.97	Alimemazin (dưới dạng Alimemazin tartrat)	5mg	Uống	Viên	Viên	9.000		4	365 ngày
98	PH.98	Mỗi gói 5 g chứa Cao khô dược liệu (trương đương với Gừng 5,0g) 480mg	5g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	600		4	365 ngày
99	PH.99	Thiamazol 5mg	5mg	Uống	Viên	Viên	800		1	365 ngày
100	PH.100	Natri chondroitin sulfat 100 mg; Retinol palmitat 2.500 IU; Cholin bitartrat 25 mg; Riboflavin 5 mg; Thiamin HCl 20 mg	100 mg; 2.500 IU; 25 mg; 5 mg; 20 mg	Uống	Viên nang	Viên	200		4	365 ngày
101	PH.101	Trimetazidin.2HCl	20mg	Uống	Viên	Viên	6.000		3	365 ngày
102	PH.102	Tobramycin 3 mg/ml	3mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	20		1	365 ngày
103	PH.103	Cao lỏng hỗn hợp (1:5) (trương ứng với Xuyên bối mẫu 0,4g; Tỳ bà lá 0,5g; Sa sâm 0,1g; Phục Linh 0,1g; Trần bì 0,1g; Cát cánh 0,4g; Bán hạ 0,4g; Ngũ vị tử 0,05g; Qua lâu nhân 0,2g; Viễn chí 0,1g; Khổ hạnh	590mg; 0,1mg	Ngậm	Viên	Viên	2.000		4	365 ngày

		nhân 0,2g; Gừng 0,1g; Ô mai 0,5g; Cam thảo 0,1g) 590 mg; Tinh dầu bạc hà 0,1 mg							
104	PH.104	Salbutamol (dưới dạng salbutamol sulfate) 100mcg/liều xịt	100mcg/liều xịt	Hô hấp	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Bình	150	1	365 ngày
105	PH.105	Mỗi 2,5ml chứa: Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat) 5 mg	5 mg	Hô hấp	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Ống	500	1	365 ngày
106	PH.106	Vitamin B1 (Thiamin mononitrat): 1,25mg; Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid): 1,25mg; Vitamin B12 (Cyanocobalamin): 1,25mcg	1,25mg; 1,25mg; 1,25mcg	Uống	Viên nang	Viên	10.000	KPN	365 ngày
107	PH.107	Nicotinamid	500mg	Uống	Viên	Viên	9.000	4	365 ngày
108	PH.108	Thiamin nitrat (Vitamin B1)	250mg	Uống	Viên	Viên	10.000	4	365 ngày
109	PH.109	Acid ascorbic	500mg	Uống	Viên	Viên	10.000	4	365 ngày
110	PH.110	Vitamin A (Retinyl palmitat) 2500 IU; Vitamin D3 (cholecalciferol) 250 IU	2500 IU, 250 IU	Uống	Viên nang	Viên	4.000	4	365 ngày
111	PH.111	Metoprolol succinat (trương đương với 50mg metoprolol tartrate hoặc 39mg metoprolol) 47,5mg	50mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	150	1	365 ngày
112	PH.112	Levetiracetam	500mg	Uống	Viên nang	Viên	800	4	365 ngày

113	PH.113	Amitriptylin hydroclorid	25mg	Uống	Viên	Viên	4.000	4	365 ngày
114	PH.114	Natri valproat	500mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	4.000	4	365 ngày
115	PH.115	Olanzapine	10mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	Viên	4.000	4	365 ngày
116	PH.116	Sertralin (dưới dạng Sertralin hydroclorid)	50mg	Uống	Viên	Viên	2.000	2	365 ngày
117	PH.117	Risperidon	2mg	Uống	Viên	Viên	2.500	4	365 ngày
118	PH.118	Dapagliflozin (dưới dạng Dapagliflozin propanediol monohydrat) 10mg	10mg	Uống	Viên	Viên	360	1	365 ngày
119	PH.119	Fenofibrate	160mg	Uống	Viên	Viên	300	1	365 ngày

– Đối với các thuốc thuộc danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên đây chuyển sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp được Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành thì nhà thầu chỉ chào thầu thuốc sản xuất trong nước.

❖ Lưu ý: Đối với thuốc có Mã thuốc PH.27, PH.29, PH.42, PH.49, PH.72, PH.86, PH.87, PH.88, PH.106 nhà thầu không đánh giá điểm kỹ thuật theo quy định tại Phần 4 Phụ lục Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, chỉ đáp ứng các yêu cầu khác của E-HSMT.

## 1.2. Tiến độ giao hàng:

– Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp thuốc theo tiến độ sau:

+ Đối với thuốc thông thường: Nhà thầu giao hàng trong vòng 1– 3 ngày kể từ khi nhận dự trù của Chủ đầu tư.

+ Đối với thuốc phóng xạ, sinh phẩm y tế đặc biệt: Nhà thầu giao hàng trong vòng 10 – 15 ngày kể từ khi nhận dự trữ của Chủ đầu tư.

+ Trong trường hợp đặc biệt, bên mua có quyền yêu cầu dự trữ hàng đột xuất, nhà thầu phải đáp ứng kịp thời không quá 12 giờ kể từ khi nhận dự trữ của Chủ đầu tư.

## **Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật**

*Yêu cầu thông số kỹ thuật trên là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Các nội dung trong bảng yêu cầu kỹ thuật chỉ mang tính tham khảo, minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật của hàng hóa, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, phù hợp với điều kiện cung cấp của nhà thầu nhưng phải đảm bảo phù hợp yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật nêu trên "tương đương" hoặc "ưu việt" hơn hẳn so với yêu cầu tối thiểu. Để chứng minh sự tương đương nhà thầu phải có bảng so sánh chi tiết về thông số kỹ thuật, đặc tính sử dụng cùng các tài liệu kỹ thuật kèm theo để chứng minh.*

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

### **2.1. Giới thiệu chung về gói thầu**

- Tên gói thầu: Mua thuốc y tế phục vụ công tác khám và chữa bệnh cho CBCS và phạm nhân trại giam Phước Hòa năm 2026.
- Tên dự toán mua sắm: Mua thuốc y tế phục vụ công tác khám và chữa bệnh cho CBCS và phạm nhân trại giam Phước Hòa năm 2026.
- Chủ đầu tư: Trại giam Phước Hòa.
- Nguồn vốn: Kinh phí thường xuyên.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 365 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Địa điểm thực hiện: Trại giam Phước Hòa - Ấp Hòa Đông, xã Tân Phước 2, tỉnh Đồng Tháp.

## 2.2. Yêu cầu về kỹ thuật

- Yêu cầu về mặt kỹ thuật chung là các yêu cầu về thuốc (bao gồm: Tên hoạt chất, Nồng độ, Hàm lượng, Đường dùng, Dạng bào chế, Đơn vị tính và Nhóm thuốc được nêu tại Mẫu số 00 - Biểu mẫu dự thầu Chương IV.
- Quy định về nhóm thuốc: Việc phân chia nhóm thuốc Generic được thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu và Điều 4 Thông tư 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025.
- Việc quy định dự thầu vào các nhóm thuốc thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025 và các quy định khác tại Thông tư 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025.
- Thuốc phải có giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc Giấy phép nhập khẩu đối với thuốc chưa có số đăng ký do Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế cấp còn hiệu lực (bản scan). Trường hợp giấy phép lưu hành sản phẩm hết hiệu lực thì nhà thầu cung cấp giấy phép lưu hành hết hiệu lực (bản scan) kèm theo quyết định gia hạn giấy phép lưu hành còn hiệu lực trước thời điểm đóng thầu (Giấy phép lưu hành bản gốc không bắt buộc nhà thầu đáp ứng 100%, nhà thầu đáp ứng tối thiểu 70% so với bảng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu về kỹ thuật của thuốc là đạt yêu cầu của E-HSMT).
- Thuốc phải đảm bảo theo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế.

- Thuốc phải còn nguyên bao bì đóng gói.
- Thông tin về mặt hàng thuốc tham dự thầu, số đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu đối với thuốc chưa có số đăng ký do Cục Quản lý dược cấp và các thông tin khác có liên quan phải được Nhà thầu ghi đầy đủ các thông tin theo quy định tại Mẫu 05 – Bảng giá dự thầu trong E-HSMT. Các thông tin phải phù hợp với thông tin về thuốc đã được Cục Quản lý dược công bố trên trang thông tin điện tử của Cục Quản lý dược (<http://www.dav.gov.vn>).

### 2.3. Các yêu cầu khác

#### 2.3.1. Yêu cầu cam kết về tiến độ cung cấp, quy trình cung cấp hàng hóa:

- Nhà thầu phải có cam kết bằng văn bản thuốc được giao đầy đủ số lượng trong hợp đồng, được chia thành nhiều đợt tùy theo nhu cầu của Chủ đầu tư, thông tin và tiêu chuẩn thuốc cung cấp phải đúng theo thông tin đã cung cấp trong hồ sơ dự thầu.
- Nhà thầu phải có thuyết minh phù hợp, thống nhất về quy trình tổ chức cung cấp thuốc tuân thủ nguyên tắc thực hành tốt từ khâu đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp, nhập hàng, cấp phát, vận chuyển và giao hàng đảm bảo chất lượng thuốc khi bàn giao cho đơn vị sử dụng.
- Nhà thầu cam kết phương tiện vận chuyển hàng hóa đáp ứng yêu cầu về nhiệt độ và độ ẩm bảo quản trên nhãn của hàng hóa trong suốt quá trình giao hàng (kèm theo tài liệu chứng minh về phương tiện vận chuyển hàng hóa).

#### 2.3.2. Yêu cầu cam kết về chất lượng thuốc cung cấp:

- Cam kết cung ứng thuốc kịp thời, chính xác, ổn định và liên tục, đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư.
- Cam kết thuốc được cung cấp đúng với hàng hóa dự thầu trong hồ sơ dự thầu và đúng theo tiêu chuẩn quy định của nhà

sản xuất.

– Trường hợp nhà thầu không có thuốc cung ứng hoặc cung ứng thuốc không đúng với thông số như cam kết ở các hạng mục trên hoặc thời gian cung ứng chậm trễ theo hợp đồng, nhà thầu phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về mặt tài chính theo yêu cầu của chủ đầu tư và được xem là chậm tiến độ/không hoàn thành hợp đồng.

#### 2.3.3. Yêu cầu cam kết về các tài liệu đính kèm trong E-HSĐT:

– Nhà thầu phải có cam kết bằng văn bản về tất cả các tài liệu mà nhà thầu đính kèm trong E-HSĐT như Giấy phép kinh doanh, Giấy đủ điều kiện kinh doanh Dược, Giấy đạt tiêu chuẩn (GSP, GDP, GACP, GMP), Chứng chỉ hành nghề Dược, Báo cáo tài chính, Giấy hoàn thành nghĩa vụ thuế, Hợp đồng tương tự, Các tài liệu yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật của thuốc và các yêu cầu khác trong E-HSMT là phải hoàn toàn chính xác, trung thực, hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

– Nhà thầu chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư, Cơ quan có thẩm quyền, pháp luật về tính chính xác, trung thực của các văn bản cam kết này. Trường hợp nhà thầu cam kết, kê khai không trung thực sẽ được xem là gian lận trong đấu thầu và sẽ bị xử lý theo quy định của Luật đấu thầu và Nghị Định số 214/2025/NĐ-CP.

#### 2.3.4. Yêu cầu về các tài liệu nộp cùng E-HSĐT:

Nhà thầu phải nộp cùng E-HSĐT các tài liệu để chứng minh thông tin thuốc dự thầu. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của thuốc, tài liệu chứng minh thông tin thuốc và các yêu cầu liên quan khác về tài liệu hướng dẫn của E-HSMT. Các tài liệu này là một phần yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp nhà thầu không cung cấp một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu thì được xem là bỏ sót nội dung E-HSĐT của nhà thầu sẽ không được xem xét và đánh giá.

#### ❖ **Lưu ý:**

– Theo trích dẫn “*tại Mục 23.6 Chương I Chỉ dẫn nhà thầu trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên*

tắc mà E-HSĐT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSĐT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSĐT”, theo quy định trên Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu đính kèm đầy đủ các yêu cầu của E-HSMT, nếu không đính kèm đầy đủ thì Nhà thầu không được bổ sung, làm rõ theo quy định trên. **Các nhà thầu lưu ý yêu cầu tại điểm này nhằm mang lại tính công bằng cho tất cả các nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm cùng tham gia thực hiện gói thầu.** Nội dung yêu cầu này không làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu, vì vậy Chủ đầu tư yêu cầu các nhà thầu lưu ý thực hiện để tránh thiếu sót nội dung, bỏ sót nội dung và sai sót nội dung.

– Tất cả các cam kết trong E-HSMT Nhà thầu phải **cam kết riêng bằng văn bản cho từng cam kết của từng mục tại các Chương khác nhau và sắp xếp các cam kết thành từng folder theo từng Chương trong E-HSMT**, trường hợp nhà thầu không cam kết theo yêu cầu thì xem như nhà thầu không thực hiện đúng quy định của E-HSMT và không đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện gói thầu. Nội dung yêu cầu này không làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu, các nhà thầu lưu ý và thực hiện theo đúng tất cả các yêu cầu của E-HSMT tại các Chương.

### **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm:**

3.1. Tất cả các thuốc trước khi cung cấp cho Chủ đầu tư đều phải tiến hành các thủ tục kiểm tra, thử nghiệm chất lượng (thực hiện bắt buộc) của thuốc để đảm bảo thuốc đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của E-HSMT và chất lượng để đưa vào sử dụng. Mọi chi phí liên quan đến kiểm tra, thử nghiệm thuốc dự thầu (kể cả trường hợp phải kiểm định lại thuốc) là thuộc trách nhiệm của Nhà thầu.

3.2. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm Chủ đầu tư sẽ thông báo cụ thể cho Nhà thầu khi có yêu cầu.